

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN ĐỒ SƠN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2024/HNGĐ-ST
Ngày 16-8-2024
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỒ SƠN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Xuân Vinh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Mai Hương

Bà Đỗ Thị Viện

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lưu Thị Hương Giang - Thư ký Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Ông Trần Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 14/2024/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2024, về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Đinh Thị N, sinh năm 1993; nơi cư trú: Tổ dân phố B, phường B, quận Đ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt;

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Mạnh T, sinh năm 1990; nơi cư trú: Tổ dân phố B, phường B, quận Đ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện đề ngày 20-4-2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Đinh Thị N trình bày:

- Về hôn nhân: Chị kết hôn với anh Nguyễn Mạnh T trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, quận Đ, thành phố Hải Phòng ngày 08-3-2018. Trong quá trình chung sống, đến khoảng cuối năm 2021, vợ chồng chị phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra xích mích, cãi nhau, không còn sự tôn trọng nhau do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm sống, không có sự chia sẻ với nhau trong công việc, cuộc sống cùng với việc anh T không tu chí làm ăn, đua đòi theo bạn bè chơi bời, bài bạc, nợ nần nhiều người ảnh hưởng đến kinh tế gia đình, sống

không có trách nhiệm với vợ con. Chị đã khuyên giải anh T nhiều lần nhưng bản thân anh T không thay đổi được lối sống. Cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng, mệt mỏi, không còn hòa hợp, hạnh phúc. Hai bên gia đình đã khuyên giải nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn vợ chồng nên từ tháng 3-2022 chị đã cùng con trai bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở Tổ dân phố B, phường B, quận Đ, thành phố Hải Phòng sinh sống, thời gian đầu anh T vẫn qua lại thăm con cái. Đến khoảng tháng 7/2022, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng hơn nên chị và anh T đã sống ly thân với nhau. Nay, chị thấy không còn tình cảm với anh T nên chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung là Nguyễn Mạnh Hải P, sinh ngày 31-8-2021. Từ khi chị và anh T sống ly thân với nhau, cháu P ở với chị, cuộc sống ổn định. Hiện nay, chị làm nghề lao động tự do buôn bán hàng tạp hóa tại gia đình bố, mẹ đẻ chị, có thu nhập là 10.000.000 đồng/tháng, có đủ điều kiện để nuôi con nên khi ly hôn, chị nhận tiếp tục được nuôi con chung, về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, chị tự thỏa thuận với anh T, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 06-5-2024, bị đơn là anh Nguyễn Mạnh T trình bày:

- Về hôn nhân: Anh thừa nhận nội dung trình bày của chị N về thời gian, điều kiện kết hôn; con chung và tài sản chung. Anh trình bày thêm, trong quá trình chung sống giữa anh và chị N thường xảy ra mâu thuẫn xích mích, cãi nhau, có lời lẽ thiếu tôn trọng nhau do vợ chồng có tính cách, lối sống khác biệt nhau, không có sự chia sẻ và thông cảm cho công việc của nhau, thiếu niềm tin vào nhau về kinh tế dẫn đến cuộc sống đôi bên mệt mỏi, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt dần, không còn hòa hợp, hạnh phúc. Từ năm 2022 đến nay, anh và chị N đã sống ly thân nhau, mỗi người ở một nơi, công việc của anh thường đi làm xa nhà không có thời gian chăm sóc tốt cho mẹ con chị N được nên tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách dần. Nay, chị N đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh, anh thấy tình cảm giữa anh và chị N không thể níu kéo được nữa, thời gian sống ly thân đã lâu, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên anh đồng ý ly hôn chị N.

- Về con chung: Anh và chị N có 01 con chung là Nguyễn Mạnh Hải P, sinh ngày 31-8-2021. Từ khi anh và chị N sống ly thân nhau, cháu P ở với chị N, cuộc sống ổn định. Hiện nay, công việc của anh thường đi làm xa nhà nên khi ly hôn anh đồng ý để chị N nuôi cháu P, anh cũng sẽ có trách nhiệm về kinh tế với chị N để nuôi con ăn học nên về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung anh tự thỏa thuận với chị N, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài liệu, chứng cứ Tòa án xác minh, thu thập được thể hiện: Chị N và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn năm 2018. Từ khoảng năm 2022, cuộc sống hôn nhân của chị N và anh T không còn hòa hợp, hạnh phúc, thường xuyên cãi nhau và xúc phạm nhau do anh T ham chơi, ảnh hưởng đến kinh tế gia đình, thiếu sự quan tâm đến vợ con nên chị N không còn tin tưởng anh T. Từ khoảng tháng 7-2022 đến nay, chị N và anh T không còn chung sống với nhau, không quan tâm đến cuộc sống chung, không có trách nhiệm vợ chồng đối với nhau; cháu P ở với chị N được chăm sóc chu đáo, cuộc sống ổn định. Hiện nay, chị N làm nghề lao

động tự do bán hàng tạp hóa, có thu nhập ổn định. Chị N có nguyện vọng được nuôi cháu P sau khi chị N và anh T ly hôn, anh T cũng đồng ý giao con cho chị N nuôi.

Chị N và anh T đều đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được, quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì vậy, Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ mà không tiến hành hòa giải theo khoản 2 Điều 208 của Bộ luật Tố tụng dân sự; đồng thời, lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được. Anh T vắng mặt tại phiên họp nên Tòa án đã thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ cho anh T theo khoản 3 Điều 210 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đinh Thị N với anh Nguyễn Mạnh T; giao con chung Nguyễn Mạnh Hải P cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản chung, các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

- Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, chị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào ý kiến của kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Vụ án có quan hệ tranh chấp về ly hôn và nuôi con chung, bị đơn là anh Nguyễn Mạnh T, cư trú tại: Tổ dân phố B, phường B, quận Đ, thành phố Hải Phòng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt tại phiên tòa nhưng đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

Về hôn nhân:

[3] Chị N và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đủ độ tuổi kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, quận Đ, thành phố Hải Phòng theo Giấy

chứng nhận kết hôn số 16 ngày 08-3-2018. Do vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh T là hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Sau khi kết hôn, từ năm 2022 đến nay cuộc sống chung của chị N và anh Hùng không còn hoà thuận, hạnh phúc, do anh T ham chơi, ảnh hưởng đến kinh tế gia đình và thiếu sự quan tâm đến vợ, con. Chị N và anh T đã sống ly thân, mỗi người một nơi, bỏ mặc nhau, mặc dù đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng không có kết quả. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung: Chị N và anh T có 01 con chung là Nguyễn Mạnh Hải P, sinh ngày 31-8-2021. Xét thấy, trong khoảng thời gian chị N và anh T sống ly thân, cháu P chung sống ổn định cùng chị N, được chăm sóc chu đáo; chị N có thu nhập ổn định đảm bảo điều kiện để nuôi dạy con. Nên cần tiếp tục giao con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp, đúng theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Chị N và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Chị N và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị N là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[8] Về quyền kháng cáo: Chị N và anh T đều có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Đinh Thị N được ly hôn anh Nguyễn Mạnh T.

2. Về nuôi con chung: Chị Đinh Thị N và anh Nguyễn Mạnh T có một con chung tên là: Nguyễn Mạnh Hải P, sinh ngày 31 tháng 8 năm 2021. Khi ly hôn, giao con chung Nguyễn Mạnh Hải P cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ

18 (*Mười tám*) tuổi. Chị N và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Hoặc cho đến khi chị N và anh T có sự thay đổi khác về người trực tiếp nuôi con, về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị đã nộp 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: 0006542 ngày 24 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng, chị N đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị N và anh T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND quận Đ;
- Chi cục THADS quận Đ;
- UBND phường B, quận Đ;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Xuân Vinh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Mai Hương Đỗ Thị Viện

Bùi Xuân Vinh